TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 6 – 2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa*:** Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2021. Về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp CN xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, Sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp CN xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 – 3– 2021 nguyên đơn bà Trần Thị Ph trình bày:*

Về hôn nhân*:* Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 1998 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến

thường xuyên cãi nhau. Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà và ông L có 02 con chung gồm Nguyễn Huyền T, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Tr, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn L, Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập ông L để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không lý do. Bà Ph có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Ph phải chịu 300.000 đồng.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Ph và ông Nguyễn Văn L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn L có địa chỉ tại ấp CN xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập ông L hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không lý do, bà Trần Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với ông L, bà Ph theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ph và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 1998 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà Ph và ông L thực sự có xảy ra trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được, bà Ph và ông L đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Ông L đã được Tòa án thông báo về việc bà Ph yêu cầu ly hôn nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của bà Ph, cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa bà Ph và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Ph đối với ông L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Ph xác định bà Ph và ông L có 02 con chung gồm Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 1998 và Nguyễn Văn Tr, sinh năm 2000. Xét thấy, hiện nay con chung của bà Ph và ông L đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Ph xác định về tài sản chung bà Ph và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Ph xác định giữa bà Ph và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với ông L vắng mặt tại phiên tòa, ông L không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Ph phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006204 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước bà Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm bà Trần Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ